TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 586/2025/DS-PT
Ngày 28/11/2025
V/v: tranh chấp QSDĐ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Đặng Thị Ánh Bình
Các Thẩm phán: Bà Sơn Nữ Phà Ca
Ông Lê Văn Phận

- Thư ký phiên tòa: bà Đỗ Thị Bích Liễu – Thẩm tra viên Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Xa Riêng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 337/2025/TLPT- DS, ngày 01 tháng 10 năm 2025,về việc "*Tranh chấp đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".*

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2025/DS-ST, ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 579/2025/QĐ - PT, ngày 05 tháng 11 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, phường B, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Mạnh K, sinh năm 1962. Địa chỉ: số G, đường T, phường P, tỉnh Vĩnh Long (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 12/01/2024)(có mặt).

Bị đơn: ông Trần Văn Dũng A, sinh năm 1970. Địa chỉ: tổ I, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Lê Phan Hoàng D (công ty L) (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị Y, sinh năm 1961 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, phường B, tỉnh Vĩnh Long

-Bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: số I, khu V, phường C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của bà T là ông Trần Văn Dũng A, sinh năm 1970. Địa chỉ: tổ I, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long (được ủy quyền theo văn bản ủy

quyền ngày 19/3/2025) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/11/2023 của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P và trong quá trình tham gia tố tụng ông Nguyễn Mạnh K là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Văn P có đứng tên quyền sử dụng đất thửa số 217, tờ bản đồ số 02, diện tích 1128,3m^2, loại đất LUC (được UBND huyện B cấp GCN QSD đất ngày 05/10/2006) và thửa đất số 218, tờ bản đồ số 02, diện tích 380m^2, loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm (được UBND huyện B cấp GCNQSD đất ngày 05/10/2006); cùng tọa lạc ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Vào khoảng năm 2013 ông P chuyển nhượng thửa đất số 217 cho ông Trần Văn D1 Anh, ông Dũng A đã được đứng tên QSD đất. Riêng đối với thửa đất số 218, vào khoảng năm 2015 ông P cho ông A mượn để trồng mít, không có lập giấy cho mượn. Đến tháng 4/2023 ông A hỏi ông P mượn bản chính Giấy chứng nhận QSD đất thửa 218 với lý do để hỏi Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B về ranh giới sử dụng giữa hai thửa đất; ông P đồng ý cho mượn, nhưng đến nay đã nhiều lần ông P yêu cầu ông D1 Anh trả lại bản chính Giấy chứng nhận QSDĐ thửa 218 nhưng ông A không trả.

Ông P yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trần Văn D1 Anh có trách nhiệm trả lại phần đất thửa số 218, tờ bản đồ số 02, diện tích theo kết quả khảo sát, đo đạc (của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V ngày 28/11/2024) là 256,6m^2 loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long do ông P đứng tên giấy QSD đất và Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 218, tờ bản đồ số 02, diện tích 380m^2, loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm tọa lạc ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long do ông là Nguyễn Văn P đứng tên QSD đất. Ông đồng ý hoàn lại ông Dũng A giá trị cây trồng trên thửa 218 do Hội đồng định giá định giá.

Tại đơn phản tố ngày 19/01/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn Dũng A trình bày:

Vào năm 2009 ông Nguyễn Văn P có chuyển nhượng cho ông thửa đất số 217, tờ bản đồ số 02, diện tích 1128,3m^2, loại đất LUC, tọa lạc ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, ông A đã được đứng tên QSD đất. Đến năm 2010 (không nhớ ngày, tháng cụ thể) ông Nguyễn Văn P có chuyển nhượng cho ông thửa đất số 218, tờ bản đồ số 02, diện tích 380m^2, loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long với giá 100.000.000 đồng; hai bên có lập giấy tay chuyển nhượng, nhưng do trong quá trình sửa chữa nhà ông đã làm thất lạc giấy tay chuyển nhượng. Khi viết giấy tay chuyển nhượng, ông giao số tiền 100.000.000 đồng cho vợ chồng ông P và bà Y nhận, ông P và bà Y giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 218 và giao đất cho ông sử dụng đến nay. Khi giao nhận đất, có mặt ông Huỳnh C và ông Lê Văn T1 là tứ cận xác định ranh đất, phía ông P biết và không có

ngăn cản gì. Do công việc làm ăn (nuôi vịt ở xa) nên ông không thực hiện thủ tục chuyên nhượng đất. Đến năm 2023 ông liên hệ ông P để thực hiện thủ tục chuyển nhượng, nhưng ông P chỉ hứa hẹn mà không thực hiện. Ông đồng ý kết quả khảo sát đo đạc của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V ngày 28/11/2024;

Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P, vì đất này ông P đã chuyên nhượng cho ông. Ông có đơn phản tố, yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng giấy viết tay năm 2010 giữa ông với ông Nguyễn Văn P đối với thửa đất số 218, tờ bản đồ số 02, diện tích 380m^2, loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm tọa lạc ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Công nhận cho ông được quyền sử dụng đối với thửa đất số 218, tờ bản đồ số 02, diện tích theo kết quả khảo sát đo đạc là 256,6m^2, loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm tọa lạc ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Tại biên bản hòa giải ngày 24/01/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Y trình bày:

Bà là vợ ông Nguyễn Văn P, vào tháng 4/2023 bà có cho ông Trần Văn D1 Anh mượn bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 218, tờ bản đồ số 02, diện tích 380m^2, loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm tọa lạc ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn Văn P đứng tên QSD đất. Ông A hỏi mượn để đối chiếu lại phần đất thửa 217 (vợ chông bà đã chuyển nhượng cho ông A trước đây). Bà xác định vợ chồng bà không có chuyển nhượng cho ông A thửa đất số 218. Bà thống nhất ý kiến và yêu cầu của ông Nguyễn Văn P.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 24/2025/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2025 đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P;

Buộc ông Trần Văn Dũng A có trách nhiệm trả ông Nguyễn Văn P bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 218, tờ bản đồ số 02, diện tích 380m^2, loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm tọa lạc ấp T, xã T (xã T, huyện B cũ), tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn Văn P đứng tên QSD đất (được UBND huyện B, tỉnh Vĩnh Long cấp Giấy chứng nhận QSD đất số AG545259 ngày 05/10/2006). Buộc ông Trần Văn D1 Anh có trách nhiệm di dời 10 (mười) cây mai kiểng giao trả ông Nguyễn Văn P phần đất diện tích theo kết quả khảo sát đo đạc 256,6m^2 (gồm các mốc 1,a,b,c,4,5,1), loại đất ở nông thôn thuộc thửa 42, tờ bản đồ số 9 là thửa 218, tờ bản đồ số 2 theo tư liệu GCN CTĐ, tọa lạc ấp T, xã T (xã T, huyện B cũ), tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn Văn P đứng tên quyền sử dụng đất.

Ông Nguyễn Văn P có quyền, nghĩa vụ kê khai đăng ký, chỉnh lý biến động đất đai đối với phần đất được công nhận theo quy định của pháp luật đất đai.

(Kèm theo Kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 30/6/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V)

Công nhận cho ông Nguyễn Văn P được quyền quản lý, sử dụng đối với số cây trồng trên diện tích 256,6m^2, loại đất ở nông thôn thuộc thửa 42, tờ bản

đồ số 9, nay là thửa 218, tờ bản đồ số 2 theo tư liệu GCN CTĐ, tọa lạc ấp T, xã T (xã T, huyện B cũ), tỉnh Vĩnh Long (nêu trên) gồm: 05 cây chuối (cao trên 2m); 10 cây mít loại B (đang cho trái); 13 cây mít loại A (chưa cho trái); 01 cây dừa loại A (trồng 05 năm).

Buộc ông Nguyễn Văn P có trách nhiệm hoàn trả giá trị cây trồng cho ông Trần Văn D1 Anh bằng 13.175.000 đồng (Mười ba triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Văn Dũng A về yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng giấy viết tay năm 2010 giữa ông Trần Văn D1 Anh với ông Nguyễn Văn P đối với thửa đất số 218 và yêu cầu công nhận cho ông được quyền sử dụng đối với thửa đất số 218, tờ bản đồ số 02, diện tích khảo sát đo đạc là 256,6m^2, loại đất ở nông thôn tọa lạc ấp T, Xã T (xã T, huyện B cũ), tỉnh Vĩnh Long.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn D1 Anh về yêu cầu ông Nguyễn Văn P trả ông số vàng chuyển nhượng QSD đất 05 (năm) lượng vàng 24K.

Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Trần Văn D1 Anh về yêu cầu ông Nguyễn Văn P bồi thường công sức cải tạo, làm tăng giá trị quyền sử dụng đất. Buộc ông Nguyễn Văn P bồi thường cho ông Trần Văn D1 Anh số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, bị đơn ông Trần Văn D1 Anh kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Văn Dũng A.

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (giấy viết tay năm 2010) giữa ông A với ông Nguyễn Văn P đối với thửa đất số 218, tờ bản đồ số 2, diện tích đo đạc thực tế 256,6m^2, loại đất ở nông thôn, tọa lạc ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long) có hiệu lực pháp luật và công nhận cho ông A được quyền sử dụng và đứng tên thửa đất nêu trên.

Trường hợp không được công nhận hợp đồng chuyển nhượng thì đề nghị giải quyết buộc ông Nguyễn Văn P có trách nhiệm trả lại ông A 05 lượng vàng 24K và bồi thường công sức cải tạo, làm tăng giá trị đất là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Mạnh K là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Y và bị đơn ông Trần Văn D1 Anh thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công nhận cho ông Trần Văn D1 Anh được quyền sử dụng thửa đất số 42, tờ bản đồ số 9, diện tích 256,6m^2, loại đất ở nông thôn, tọa lạc ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long và toàn bộ cây trồng trên đất, (thửa cũ 218, tờ bản đồ số 02, diện tích 380m^2, đất ở và đất trồng cây lâu năm), tọa lạc ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long).

Theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 30/6/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V.

Ông Trần Văn Dũng A có nghĩa vụ hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn P số tiền 82.112.000đ (Tám mươi hai triệu một trăm mười hai nghìn đồng).

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Các đương sự chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn:

Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 24/2025/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 3 -Vĩnh Long theo hướng: ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự ông Nguyễn Văn P, bà Lê Thị Y với ông Trần Văn D1 anh, cụ thể: ông Nguyễn Văn P đồng ý giao cho ông Trần Văn D1 Anh trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất tranh chấp 256,6m^2 thửa 218, tờ bản đồ 02. Ông A hoàn trả cho ông P giá trị phần đất tranh chấp với số tiền là 82.112.600 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về tố tụng:

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, Tòa án xét xử sơ thẩm và tuyên án, ngày 27/8/2025 bị đơn ông Trần Văn D1 Anh kháng cáo, ngày 29/82025 nguyên đơn ông Nguyễn Văn P kháng cáo là hợp lệ, ông P được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, ông A nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định nên vụ án đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Mạnh K là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Y và bị đơn ông Trần Văn D1 Anh thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1] Công nhận cho ông Trần Văn D1 Anh được quyền sử dụng thửa đất số 42, tờ bản đồ số 9, diện tích 256,6m^2, loại đất ở nông thôn (thửa cũ 218, tờ bản đồ số 02, diện tích 380m^2, đất ở và đất trồng cây lâu năm), tọa lạc ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long) và được sở hữu toàn bộ cây trồng trên đất.

Theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 30/6/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V.

[2] Ông Trần Văn Dũng A có nghĩa vụ hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn P số tiền 82.112.000đ (Tám mươi hai triệu một trăm mười hai nghìn đồng).

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Các đương sự chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

[3] Xét sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 24/2025/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long theo sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

[4] Về chi phí tố tụng: chi phí đo đạc, định giá tài sản tại sơ thẩm là 2.380.000đ , mỗi bên chịu một phần hai. Ông P đã nộp tạm ứng trước nên ông Trần Văn D1 Anh phải hoàn trả lại ông P số tiền 1.190.000đ (một triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).

[5] Về án phí: căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

-Án phí dân sự sơ thẩm: do sửa án nên sửa lại án phí, ông Trần Văn Dũng A phải chịu 5% án phí đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn 82.112.000đ x 5% = 4.105.000đ

-Án phí dân sự phúc thẩm: do sửa án nên ông Trần Văn Dũng A không phải chịu án phí, hoàn trả ông Trần Văn D1 Anh số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0002315 ngày 27/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn Dũng A.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 24/2025/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 3 -Vĩnh Long.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn P (ông Nguyễn Mạnh K là người đại diện hợp pháp), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Y và bị đơn ông Trần Văn Dũng A.

1.Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1.Công nhận cho ông Trần Văn D1 Anh được quyền sử dụng thửa đất số 42, tờ bản đồ số 9, diện tích 256,6m^2, loại đất ở nông thôn (thửa cũ 218, tờ bản

đồ số 02, diện tích 380m^2, đất ở và đất trồng cây lâu năm), tọa lạc ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long) và được sở hữu toàn bộ cây trồng trên đất.

Theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 30/6/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

1.2.Ông Trần Văn Dũng A có nghĩa vụ hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn P số tiền 82.112.000đ (Tám mươi hai triệu một trăm mười hai nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Chi phí tố tụng: Buộc ông Trần Văn D1 Anh phải hoàn trả lại ông P số tiền 1.190.000đ (một triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).

3.Về án phí:

3.1.Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trần Văn Dũng A phải chịu 4.105.000đ (bốn triệu một trăm lẻ năm nghìn đồng).

3.2.Án phí dân sự phúc thẩm: hoàn trả ông Trần Văn D1 Anh số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0002315 ngày 27/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-Đương sự;
-VKSND cùng cấp;
-TAND khu vực 3 - VL;
-THADS tỉnh Vĩnh Long ;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Thị Ánh Bình